

Bản án số: 57/2025/HSST

Ngày 04-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Kiên.

2. Bà Trần Thị Bích Thuận – Cán bộ giáo

dục.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh (quận Gò Vấp cũ) tham gia phiên tòa: Bà Quách Diệp Nguyệt Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 7 và ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số D đường D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh Phường E, quận G cũ) xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 200/2025/HSST ngày 13/5/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2025/QĐXXST-HS ngày 30/6/2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số 450/2025/HSST-QĐ ngày 15/7/2025 đối với các bị cáo:

1/ Bùi Tuấn D. Sinh năm 2004, tại Thành phố Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: Số C P, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số B đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (phường B, quận B cũ); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quang S và bà Bùi Thúy H; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 05/11/2024 (Có mặt tại phiên tòa).

2/ Phùng Gia H1. Sinh ngày 07/11/2007, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: Số E đường P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường B, quận B cũ); Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Ngọc Á và bà Châu Ngọc N; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 05/11/2024 (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phùng Gia H1*: Ông Phùng Ngọc Á (cha ruột) (Có mặt).

Địa chỉ: Số E đường P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường B, quận B cũ).

- *Người bào chữa của bị cáo Phùng Gia H1*: Ông Lê Văn T1 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số D đường D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường E, quận G cũ) (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Thanh T2.

Địa chỉ: 4 đường N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh Phường E, quận G cũ) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Tuấn D và Phùng Gia H1 là bạn bè quen biết ngoài xã hội từ năm 2023, D và H1 đang ở cùng nhà với nhau tại địa chỉ số B đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. D và H1 góp tiền với nhau để trả tiền thuê nhà (mỗi người góp một nửa). Vào khoảng đầu tháng 09 năm 2024 D và H1 bàn bạc thống nhất với nhau là cùng nhau góp tiền với nhau để mua ma túy Cần sa bán lại. Tiền mua ma túy Cần sa mỗi người sẽ bỏ ra một nửa, khi nhận ma túy Cần sa về thì cả 2 chia đôi số Cần sa để quản lý và khách của ai thì người đó bán và thu lợi riêng. Mỗi 01 gam, D và H1 bán cho khách với số tiền là 200.000 đồng, tiền ship là 30.000 đồng, tổng cộng là 230.000 đồng. D và H1 thường cùng đi bán Cần sa cho khách (do cả hai có chung một chiếc xe mô tô). Ngày 29/10/2024, D và H1 mỗi người góp số tiền 3.600.000 đồng (tổng cộng là 7.200.000 đồng) để mua Cần sa (mỗi người mua 50 gam Cần sa) với mục đích vừa sử dụng và bán lại cho người khác để thu lợi bất chính và được H1 đồng ý, H1 đưa cho D tiền mặt 1.520.000 đồng, cùng với chuyển khoản cho D thêm 1.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng T3 của D. H1 còn nợ D 600.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ ngày 30/10/2024, D dùng điện thoại động số 0886674201 liên hệ với tài khoản “Cop Meo Channel” qua ứng dụng Telegram đặt mua 100 gam Cần sa, với số tiền 7.200.000 đồng và hẹn giao Cần sa và nhận tiền tại khu vực đầu hẻm B đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, có người liên hệ gọi điện thoại cho D kêu ra nhận Cần sa, thì D kêu H1 ra nhận và chia thành 31 gói nylon nhỏ, mỗi gói ước lượng khoảng 01 gam và 02 gói nylon lớn (một gói ước lượng 50 gam, một gói ước lượng khoảng 04 gam). Trong lúc H1 đang chia nhỏ Cần sa thì có tài khoản messenger tên “P” liên hệ với D đặt mua 01 gam Cần sa với số tiền 230.000 đồng. D đồng ý và “Phú V” hẹn đến giao Cần sa và nhận tiền tại trước hẻm H đường số B, Phường F, quận G, thì D đồng ý. Sau khi H1 chia

nhỏ Cần sa, D lấy 01 gói Cần sa loại 01 gam cất giấu vào trong túi đeo trước ngực của D với mục đích mang đi bán cho “P”, số Cần sa còn lại H1 cất giấu tất cả vào trong 01 túi giấy, rồi D mang số Cần sa này ra để ở бага xe mô tô biển số 59S2 – 552.61. Sau đó, D chở H1 cùng đi giao ma túy cho “P”. Khi đi đến trước hẻm H Đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì dừng xe lại để liên hệ điện thoại cho “P” để bán Cần sa, thì bị Tổ công tác, Công an P, quận G kiểm tra, phát hiện trên бага xe mô tô biển số 59S2 – 552.61 của D đang điều khiển có 01 túi giấy đựng 32 gói gói nylon chứa Cần sa (gồm 30 gói nhỏ và 02 gói lớn). Đồng thời, kiểm tra phát hiện bên trong túi đeo trên người D có 01 gói nylon chứa Cần sa, nên Tổ công tác đã tiến hành lập Biên bản tạm giữ, niêm phong toàn bộ vật chứng rồi đưa D, H1 cùng toàn bộ vật chứng về Cơ quan Công an làm rõ sau đó đưa D và H1 đến Cơ quan điều tra Công an quận G để xử lý.

Ngoài ra, D đã bán ma túy Cần sa cho Phạm Hải Đ được 03 lần, cụ thể: Lần 1 vào ngày 30/09/2024 bán 04 gam Cần sa với số tiền 600.000 đồng; lần 2 và lần 3 vào các ngày 05/10/2024 và ngày 12/10/2024 bán mỗi lần 05 gam ma túy Cần sa với số tiền là 800.000 đồng. Toàn bộ số Cần sa Đ mua của D thì Đ đã sử dụng hết.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy Đ, D và H1 đều có kết quả dương tính với Cần sa, phù hợp với lời khai có sử dụng Cần sa của Đ, H1 và D.

Vật chứng thu giữ:

- 01 gói niêm phong, bên trong có chứa 32 gói nylon chứa thảo mộc khô (m1), bên ngoài có chữ ký ghi tên Phùng Gia H1 và Bùi Tuấn D và hình dấu Công an Phường 6, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 gói niêm phong bên trong có 01 gói nylon chứa thảo mộc khô (m2). Bên ngoài có chữ ký ghi tên Phùng Gia H1 và Bùi Tuấn D và hình dấu Công an Phường 6, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản Kết luận giám định số: 12982/KL-KTHS ngày 07/11/2024 của P1 Công an Thành phố H kết luận: Mẫu (m1) = 81,08 gam; (m2) = 1,0090 gam, tất cả đều là Cần sa. (tổng cộng: 82,089 gam.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, gắn sim số: 0886674201; 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, gắn sim số: 0793247798.

- 01 xe mô tô biển số: 59S2-552.61, số máy JA3GE-0239792; số khung: RLHJA36223EY135946.

Quá trình điều tra các bị cáo Bùi Tuấn D, Phùng Gia H1 đã thừa nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 218/CT-VKS-GV ngày 12/5/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) đã truy tố các bị cáo Bùi Tuấn D, Phùng Gia H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ là các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị áp dụng quy định người phạm tội dưới 18 tuổi đối với bị cáo Phùng Ngọc H2.

Đề nghị xử phạt các bị cáo:

- Bùi Tuấn D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.
- Phùng Gia H1 từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

Đề nghị miễn phạt bổ sung; Đề nghị xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 gói niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Phùng Gia H1 và Bùi Tuấn D và hình dấu Công an Phường 6, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bên trong có chứa ma túy còn lại sau giám định.

- Tịch thu sung công 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, gắn sim số: 0886674201; 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, gắn sim số: 0793247798 của Bùi Tuấn D và Phùng Gia H1 dùng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T2 01 xe mô tô biển số: 59S2-552.61, số máy JA3GE-0239792; số khung: RLHJA36223EY135946.

Người bào chữa của bị cáo Phùng Ngọc H2 trình bày ý kiến: Thông nhất với tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố, luận tội đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo dưới tuổi nhận thức pháp luật hạn chế để bị cáo có mức án nhẹ nhất có thể.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên và không tự bào chữa, không tranh luận, các bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Luật sư. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H khu vực G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Tp . (quận G cũ), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo Bùi Tuấn D, Phùng Gia H1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm

tội cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện các bị cáo đã thực hiện hành vi: Ngày 29/10/2024, Bùi Tuấn D và Phùng Gia H1 đã có hành vi góp tiền với nhau, mỗi người một nửa để mua Cần sa với tổng khối lượng: 82,089 gam về bán lại cho người khác và để có Cần sa sử dụng cho bản thân. Ngày 30/10/2024, khi D và H1 đang trên đường đi bán ma túy Cần sa cho tài khoản “P” nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, vào các ngày 30/09/2024, ngày 05/10/2024 và ngày 12/10/2024 D đã bán ma túy là Cần sa cho Đ 03 lần, mặc dù các lần bán ma túy cho Đ, D thu lợi riêng, tuy nhiên, hai bị cáo đã cùng bàn bạc thống nhất hành vi mua ma túy cất giấu nhằm mục đích bán lại cho người khác, bị cáo H1 là người khởi xướng rủ rê nên hành vi của các bị cáo là cùng thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung về hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra thu giữ của H1 và D 82,089 gam ma túy là Cần sa. Đủ cơ sở xác định các bị cáo Bùi Tuấn D và Phùng Gia H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 251 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tp . (quận G cũ) đối với các bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, ma túy còn là nguồn gốc của nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy và đường lối xử lý của pháp luật rất nghiêm nhưng vì muốn có tiền tiêu xài không qua lao động chân chính nên đã bất chấp, cố ý phạm tội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Bị cáo Phùng Gia H1 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng quy định đối với người phạm tội dưới 18 tuổi theo quy định tại điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5, Điều 251 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh của bị cáo Bùi Tuấn D nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Bị cáo Phùng Gia H1 chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Đối với hành vi sử dụng ma túy của các bị cáo Bùi Tuấn D, Phùng Gia H1. Qua kiểm tra, D và H1 dương tính với ma túy. Tuy nhiên, theo chứng cứ, tài liệu và lời khai tại phiên tòa thể hiện việc sử dụng ma túy cần sa là do mỗi bị cáo tự bỏ tiền ra mua riêng và tự sử dụng riêng 01 mình, D và H1 cả 2 không góp tiền mua ma túy để cùng sử dụng và khi D sử dụng cần sa, H1 không biết và ngược

lại nên hành vi của sử dụng ma túy của D, H1 không đủ căn cứ truy cứu tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 của Bộ luật hình sự.

[8]. Đối với người sử dụng tài khoản Telegram tên “Cop M” đã bán Cần sa cho Bùi Tuấn D, Phùng Gia H1, do D và H1 khai không rõ họ tên, nơi ở và chưa gặp mặt, không biết số điện thoại và “Cop Meo C” sử dụng nhiều tài khoản ngân hàng khác nhau, nên D cũng không nhớ tài khoản ngân hàng của “Cop M” nên không đủ có cơ sở để làm rõ, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[9]. Đối với Phạm Hải Đ mua Cần sa của Bùi Tuấn D để sử dụng, có kết quả xét nghiệm dương tính với Cần sa. Chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự Cơ quan cảnh sát điều tra đã bàn giao một phần hồ sơ cùng đối tượng Đ cho Công an Phường 6, quận G xử lý hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Hội đồng xét xử không xét.

[10]. Đối với đối tượng tên “Phú V” mua ma túy Cần sa của D do chưa kịp giao ma túy cho Phú V nên chưa xác định được để làm rõ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[11]. Về xử lý vật chứng:

[11.1]. Đối với 02 gói niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Phùng Gia H1 và Bùi Tuấn D và hình dấu Công an Phường 6, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bên trong có chứa ma túy còn lại sau giám định. Xét thấy, là ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

[11.2]. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, sim số: 0886674201; 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, gắn sim số: 0793247798 của Bùi Tuấn D, Phùng Gia H1 dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công.

[11.3]. Đối với 01 xe mô tô biển số: 59S2-552.61, số máy JA3GE-0239792; số khung: RLHJA36223EY135946. Kết quả xác minh xe do anh Ngô Đăng K đứng tên chủ sở hữu. Bùi Tuấn D khai xe trên thuê lại của cửa hàng X, trên đường N, quận G và sử dụng làm phương tiện chở Phùng Gia H1 hoạt động mua bán Cần sa cho đến khi bị bắt giữ. Chị Nguyễn Thị Thanh T2 thừa nhận có cho D thuê xe trên, nguồn gốc xe mua của anh Nguyễn Viết C1 và anh Ngô Đăng K bằng hình thức hợp đồng ủy quyền và đã được Công chứng hợp đồng tại văn phòng C2, quận G và dùng để kinh doanh cho khách thuê lại. Chị T2 cũng đã làm đơn xin nhận lại xe, chị T2 không biết D sử dụng xe vào việc phạm tội nên trả lại chiếc xe trên cho chị Nguyễn Thị Thanh T2.

[12]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[13]. Bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[14]. Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh (quận G cũ) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 251; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

1/ Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn D 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2024.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 251; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

2/ Xử phạt bị cáo Phùng Gia H1 06 (sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2024.

- Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

+ Tịch thu tiêu hủy 02 gói niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Phùng Gia H1 và Bùi Tuấn D và hình dấu Công an Phường 6, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bên trong có chứa ma túy còn lại sau giám định.

+ Tịch thu sung công 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, gắn sim số: 0886674201; 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, gắn sim số: 0793247798.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T2 01 xe gắn máy Honda blade biển số: 59S2-552.61, số máy JA3GE0239792; số khung: RLHJA3623EY135946.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 158/PNK ngày 25/3/2025 của Công an Thành phố H khu vực G).

Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bào chữa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b,

Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 TP.HCM;
- Công an Tp.HCM khu vực Gò Vấp;
- Trại giam nơi giam bị cáo;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Đ1

